**BÀI 5: TÍCH TRÒ SÂN KHẤU DÂN GIAN**

|  |
| --- |
| **MỤC TIÊU** (Chung toàn bài)1. Kiến thức2. Năng lực3. Phẩm chất |

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 11: LẮNG NGHE VÀ PHẢN HỒI**

**VỀ MỘT BÀI THUYẾT TRÌNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** giúp HS

- Hiểu rõ mục đích viết của tác giả có báo cáo nghiên cứu được thuyết trình.

 - Nắm được và đánh giá đúng các nội dung cơ bản của bài thuyết trình, cấu trúc bài thuyết trình, hệ thống các luận điểm…

**2. Năng lực**

 **-** Nhận xét được cách thức mà tác giả sử dụng khi thuyết trình: ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ, các phương tiện phụ trợ, sơ đồ bảng biểu…

 - Năng lực phân tích, đánh giá, phản biện, tranh luận.

**3. Phẩm chất**

- Trân trọng thành quả lao động của tác giả.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK *Ngữ văn 10* - Tập 1, vi deo thuyết trình, phiếu học tập…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức:** kiểm tra sĩ số, ổn định lớp

**2. Kiểm tra:** Lồng ghép trong quá trình thực hành nói và nghe

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu/ Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo cho HS tâm thế sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- Giúp HS xác định được chủ đề mình sẽ tiếp nhận thông qua hoạt động nói và nghe.

**b. Nội dung**

- Xem vi deo, nhận xét vấn đề đặt ra

**c. Sản phẩm**

- HS xác định được vấn đề đặt ra thông qua vi deo do GV cung cấp

 - Bước đầu đưa ra được nhận xét theo suy nghĩ cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*- GV cho HS xem 1 vi deo thuyết trình về một vấn đề cụ thể (có thể thuyết trình về một cuốn sách/ giải pháp phòng chống dịch covid-19…)- GV đặt câu hỏi: Sau khi theo dõi video, các em rút ra nhận xét về vấn đề được đề cập.*B2: Thực hiện nhiệm vụ:* HS theo dõi video, đưa ra nhận xét, phản hồi*B3: Báo cáo thảo luận*: GV gọi 2 HS trình bày ý kiến nhận xét, các HS khác có thể bổ sung (nếu có).*B4: Kết luận, nhận định*- GV nhận xét, bổ sung (nếu có)- Dẵn dắt vào bài mới. | - HS theo dõi video- Đưa ra được ý kiến nhận xét về:+ Nội dung video+ Cách thức xây dựng luận điểm trình bày vấn đề của người thuyết trình. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:**

- Trang bị cho HS những lưu ý để học sinh có hiểu biết khi thực hành nói và nghe.

- Giúp các em xác định được vấn đề cần trình bày. Có khả năng phản hồi thông tin liên quan.

- Rèn kĩ năng nói và nghe cho HS.

**b. Nội dung**

 - Hướng dẫn về cách lắng nghe về một vấn đề cụ thể liên quan đến chủ đề đã tiếp cận.

 - HS thuyết trình báo cáo về vấn đề: Nghệ thuật sân khấu chèo

 - HS lắng nghe và điền vào phiếu nghe những thông tin cần thiết mình tiếp thu được (có thể ghi lại các câu hỏi của mình nảy sinh trong quá trình nghe) theo phiếu học tập (GV cung cấp). Đặt câu hỏi, phản hồi về những vấn đề liên quan.

**c. Sản phẩm**

- Nắm được hướng dẫn về cách lắng nghe về một vấn đề cụ thể liên quan - HS hoàn thành bài thuyết trình. Hoàn thiện các thông tin trong phiếu học tập.

- Biết cách đặt câu hỏi, phản hồi về những vấn đề liên quan.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*- GV yêu cầu HS đọc kĩ phần hướng dẫn cách lắng nghe và phản hồi trong SGK và tự đặt cho mình những câu hỏi cần giải đáp..- GV giới thiệu sơ lược về bối cảnh, nội dung của bài thuyết trình mà HS sẽ nghe.*B2: Thực hiện nhiệm vụ*:- HS đọc hướng dẫn cách lắng nghe và phản hồi - Xây dựng hệ thống câu hỏi liên quan*B3: Báo cáo thảo luận*- 2 HS trình bày những hiểu biết của mình. Các HS khác có thể bổ sung ý kiến khác.- Hoàn thiện bảng thông tin liên quan trong SGK/T149.*B4: Kết luận, nhận định*- GV nhận xét về phần thực hiện của HS.- GV giới thiệu một số phản hồi của mình khi lắng nghe bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể để HS có cái nhìn cụ thể về vấn đề sẽ tiếp cận. | - GV đưa ra một số lưu ý khi lắng nghe bài nói của người khác:+ Tìm hiểu trước về vấn đề của người nói;+ Tập trung lắng nghe bài nói;+ Nhận xét về giọng điệu, ngôn ngữ và cử chỉ của người nói;+ Có thể nêu câu hỏi nếu thấy thắc mắc. |
| **Nội dung 2. Thực hành nói và nghe** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*- HS thuyết trình báo cáo về vấn đề: Nghệ thuật sân khấu chèo - HS lắng nghe và điền vào phiếu nghe những thông tin cần thiết mình tiếp thu được (có thể ghi lại các câu hỏi của mình nảy sinh trong quá trình nghe) theo phiếu học tập sau:

|  |
| --- |
| **Tên bài thuyết trình:**Tên người trình bày: |
| Mục đích của người nói |
| Cấu trúc bài thuyết trình | Mở bài |  |
| Triển khai |  |
| Kết luận |  |
| Nội dung thuyết trình | Ý chính |  |
| Ý phụ |  |
| Bằng chứng, số liệu, hình ảnh |  |
| Câu hỏi |  |
| Nhận xét, đánh giá |  |

*B2: Thực hiện nhiệm vụ*- Người nói thuyết trình- Người nghe*B3: Báo cáo thảo luận*- HS trình bày phần thông tin theo mẫu phiếu.- Đưa ra các câu hỏi phản hồi đối với người thuyết trình.*B4: Kết luận, nhận định*- GV đưa ra nhận xét, kết luận phần trình bày. | \*Người nói thuyết trình: GỢI Ý PHẦN TRÌNH BÀY- Mở đầu: Vấn đề nghiên cứu là Nghệ thuật sân khấu chèo.- Triển khaiMột số luận điểm chính (có thể kết hợp trình chiếu PowerPoint):+ Những loại hình văn hóa như chèo, tuồng, cải lương,... qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển dù mang đậm chất địa phương của từng vùng nhưng khái quát chung vẫn mang đậm chất văn hóa dân gian Việt Nam. Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền dân gian lâu đời nhất của Việt Nam. + Sân khấu biểu diễn chèo đa dạng: sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.+ Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò...+ Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ.- Kết luận: Khái quát lại vấn đề nghiên cứu chính, khẳng định ý nghĩa vấn đề và mở ra hướng tiếp cận mới.\*Người nghe: - Lắng nghe phần thuyết trình (chú ý phẩn mở đầu và kết thúc để có thông tin cần thiết); nhận biết hệ thống luận điểm của bài thuyết trình, chú ý sự tác động của số liệu, bảng biểu).- Hoàn thành các thông tin vào phiếu học tập. |
| **Nội dung 3. Trao đổi** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*- GV cung cấp phiếu học tập theo mẫu- Yêu cầu HS đánh giá kết quả thuyết trình theo các tiêu chí trong phiếu.Soạn bài Lắng nghe và phản hồi về nội dung một bài thuyết trình kết quả nghiên cứu | Ngắn nhất Soạn văn 10 Kết nối tri thức*B2: Thực hiện nhiệm vụ* - HS tự đánh giá theo mẫu- Đưa ra nhận xét bổ sung (nếu có)*B3: Báo cáo thảo luận*- HS trao đổi, tranh luận về vấn đề thuyết trình.- Các HS khác bổ sung, tranh luận*B4: Kết luận, nhận định*- GV nhận xét, chốt vấn đề. | - HS đưa ra những ý kiến tranh luận về vấn đề thuyết trình tren cơ sở khoa học và hiểu biết cá nhân. |

**Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức, kĩ năng thuyết trình vào thực tiễn đời sống.

**b. Nội dung:** Thực hiện câu hỏi GV yêu cầu

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày bằng miệng 2 câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*HS trả lời 2 câu hỏi:**Câu 1 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1):****Câu 2 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1):***B2: Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.*B3: Báo cáo thảo luận*: - GV gọi 2 HS trả lời 2 câu hỏi, các HS khác có thể bổ sung (nếu có).*B4: Kết luận, nhận định*- GV nhận xét, bổ sung (nếu có)- Chốt kiến thức. | **Câu 1 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1):**- Tuồng là 1 trong các loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam nổi tiếng nhất là ở khu vực Trung Bộ, những tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh,… Tích chuyện trong mỗi vở tuồng đều là những tích chuyện lịch sử, những vị tướng anh hùng, phản ánh các yếu tố của thời đại. Các diễn viên được hóa thân rất nổi bật, “cá tính hóa” với các màu sắc để phân biệt vai diễn: màu đỏ là trung thần, xám là nịnh thần, hồn ma sẽ là xanh lục và người thật thà sẽ đi cùng màu đen. - Chèo là một trong những loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền Việt Nam, phát triển mạnh ở phía bắc, đặc biệt là đồng bằng sông Hồng và lan tỏa đến khu vực Bắc Trung Bộ và Trung Du Miền Núi Bắc Bộ:+ Chèo là sân khấu của hiện thực đời sống tam nông: nông nghiệp, nông dân và nông thôn.+ Sân khấu chèo hướng tới trình thức hóa, mô hình hóa (hình tượng của nhân vật).+ Nghệ thuật sân khấu đồng cảm: đó là sự kết hợp tinh tế, nhuần nhuyễn, điêu luyện và hài hòa giữa gián cách và hòa cảm, giữa khách quan và chủ quan, giữa thực và hư trong quá trình thể hiện đời sống nhân vật trên sân khấu. **Câu 2 (trang 151 sgk Ngữ văn lớp 10 Tập 1):**- Cần phải giữ gìn và bảo tồn những loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian và đưa chúng phát triển hơn. Dù thời gian ra đời từ rất lâu nhưng những loại hình nghệ thuật này đã được ông cha ta đúc kết và xây dựng, nó phản ánh đặc điểm văn hóa của tổ tiên cha ông ta. |

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng (sgk)**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS tăng cường, nâng cao vốn hiểu biết của bản thân về nghệ thuật sân khấu dân gian Việt Nam.

**b. Nội dung:**

- Trả lờì các câu hỏi phần Củng cố, mở rộng SGK/T151

- Dựa trên những hiểu biết của bản thân, hãy xây dựng đề cương và thuyết trình về vấn đề: Tác động của môi trường nước đến chất lượng sức khỏe và đời sống xã hội ngày nay.

**c. Sản phẩm:**

- Có những hiểu biết căn bản về nghệ thuật sân khấu dân gian.

- Xây dựng được đề cương và thuyết trình vấn đề: Tác động của môi trường nước đến chất lượng sức khỏe và đời sống xã hội ngày nay.

**d. Tổ chức thực hiện:** HS tự thực hiện sau bài học

**Hoạt động 5: Thực hành đọc**

**Phụ lục VĂN BẢN THAM KHẢO**

**Bài báo cáo nói mẫu về nghệ thuật Chèo**

Chèo là nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống xuất hiện từ lâu đời và mang bản sắc dân tộc đậm đà nhất của dân tộc Việt Nam. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian dân tộc, chèo là một loại hình sân khấu kịch hát đậm đà tính dân tộc, với sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch mang tính nguyên hợp vô cùng độc đáo. Cách bài trí sân khấu hát chèo là một khâu quan trọng để góp phần tạo nên giá trị văn hóa đặc sắc của loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian này.

Dựa trên khảo sát, thống kê cách bài trí sân khấu của một số vở chèo đã được trình diễn, chúng tôi nhận thấy các dụng cụ trên sân khấu của từng vở chèo đều có vai trò khác nhau, có sự liên quan đến nội dung kịch bản. Chúng tôi cho rằng không thể dùng cách bài trí sân khấu của các loại hình nghệ thuật khác để đánh giá cách bài trí sân khấu của chèo.

Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh, Nhật Bản có kịch nô đại diện cho nghệ thuật truyền thống thì tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo. Sân khấu chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp các yếu tố dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật dân gian khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nó là hình thức kể chuyện bằng sân khấu, lấy sân khấu và diễn viên làm phương tiện giao lưu với công chúng, và có thể được biểu diễn ngẫu hứng. Sân khấu chèo dân gian đơn giản, mà cũng rất đa dạng có thể là sân đình, sân khấu chuyên nghiệp, các lễ hội ở một số đền chùa,... Quy mô lớn nhất của các đơn vị nghệ thuật Chèo là Nhà hát Chèo rồi đến Đoàn Chèo, một số tỉnh chỉ biên chế đội hoặc tổ Chèo thuộc đoàn nghệ thuật.

Trước kia chèo chỉ có phần nói và ngâm các bài dân ca, nhưng do ảnh hưởng của nghệ thuật do người lính bị bắt mang tới, chèo có thêm phần hát. Nội dung của các vở chèo lấy từ những truyện cổ tích, truyện Nôm; được nâng lên một mức cao bằng nghệ thuật sân khấu mang giá trị hiện thực và tư tưởng sâu sắc. Tiếng hát chèo đã đi vào tiềm thức của bao thế hệ người Việt, chúng ta ấn tượng về chèo qua những câu ca dao:

“*Ăn no rồi lại nằm khoèo*

*Nghe giục trống chèo bế bụng đi xem*

*Chẳng thèm ăn chả ăn nem*

*Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo*”.

Trong kịch bản chèo, các nhân vật hiện ra qua những cái tên, qua hình tượng được tác giả tạo dựng, còn trên sân khấu chèo, các diễn viên sẽ là người lột tả cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái ác của các nhân vật đó. Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu châu Âu mà các nghệ sỹ tham gia diễn chèo thường ứng diễn. Diễn viên đóng chèo nói chung là những người không chuyên, hợp nhau trong những tổ chức văn nghệ dân gian gọi là phường chèo hay phường trò... Điển hình là một số nghệ sĩ như NSUT Thu Huyền, NSƯT Thảo Quyên, NSƯT Văn Bằng, NSUT Thu Hà, NSND Đình Óng, NSND Quốc Trượng,… là những nghệ sĩ đã hiện thực hóa hình tượng các nhân vật trong kịch bản chèo.

Chèo sử dụng tối thiểu là hai loại nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, đồng thời thêm cả sáo nữa. Ngoài ra, các nhạc công còn sử dụng thêm trống và chũm chọe. Bộ gõ nếu đầy đủ thì có trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho câu hát. Có câu nói “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Trong chèo hiện đại có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như đàn thập lục, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu v.v...

Hát chèo đã từng in đậm nét trong tiềm thức dân gian người Việt, không chỉ riêng với đồng bằng Bắc Bộ mà còn tỏa rộng, vươn xa trong đời sống văn hóa - nghệ thuật đương đại của đất nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, các loại hình giải trí mới ra đời, nhiều người đã không còn mặn mà với sân khấu chèo nữa. Sân khấu cổ truyền Việt Nam nói chung và nghệ thuật chèo nói riêng dần dần mất đi vị thế của mình.

Các nghiên cứu về chèo nói chung và nghiên cứu về sân khấu chèo nói riêng còn tồn động rất nhiều vấn đề chưa được triển khai cụ thể. Chính vì vậy mà các kịch bản chèo đang dần biến mất, nghệ thuật sân khấu chèo đang dần bị lãng quên bởi sự phát triển nhanh chóng của xã hội. Chèo cần có sự thích nghi nhất định với thời cuộc để tránh bị rơi vào hoàn cảnh như một di sản phi vật thể chỉ để bảo tồn, tránh làm mất đi một trong những hình thức nghệ thuật kể chuyện bằng sân khấu tiêu biểu nhất của dân tộc.